

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN VÀ THỰC TẾ SỬ DỤNG NGÔN NGỮ ĐÍCH TRONG DẠY/HỌC THỰC HÀNH TIẾNG PHÁP 4

¹Trần Thị Kim Trâm*, ¹Trần Thị Khánh Phước, ²Trần Thị Bích Ngọc

¹Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, ²Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

Tóm tắt

Thực tế giảng dạy cho thấy sinh viên tiếng Pháp, đặc biệt là sinh viên D1 (có đầu vào tiếng Anh) có nhiều khó khăn trong tiếp thu và tương tác bằng ngôn ngữ đích ở các học phần Thực hành tiếng. Để tìm hiểu nguyên nhân, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát nhận thức của người học và thực tế sử dụng tiếng Pháp trong dạy/học ngoại ngữ nói chung và trong các học phần Thực hành tiếng 4 nói riêng. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi trực tuyến 43 sinh viên năm 2 năm học 2019-2020 và phỏng vấn sâu 6 giảng viên giảng dạy Thực hành tiếng cho thấy phần lớn họ đều nhận thức được ảnh hưởng tích cực của việc sử dụng ngôn ngữ đích đến quá trình tư duy, lĩnh hội, rèn luyện và tương tác bằng lời. Nhưng trên thực tế tần suất sử dụng ngôn ngữ đích lại rất hạn chế và còn nhiều bất cập. Nghiên cứu cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm tăng cường việc sử dụng ngôn ngữ đích hợp lý hơn và hiệu quả hơn.

Từ khóa: Nhận thức – ngôn ngữ đích – tương tác bằng lời – sinh viên D1

1. Mở đầu

Sử dụng ngôn ngữ đích (ở đây chúng tôi muốn ám chỉ tiếng Pháp), ngôn ngữ nguồn (tiếng Việt) hay một ngoại ngữ hai của người học trong quá trình dạy/học ngoại ngữ, đặc biệt trong dạy/học các học phần Thực hành tiếng luôn là chủ đề nhận được nhiều quan tâm của các giảng viên cũng như sinh viên tiếng Pháp.

Tại Viện Pháp Huế cũng như những chương trình dạy/học tiếng Pháp do AUF (Tổ chức các đại học Pháp ngữ) hay ESF (Học đường không biên giới) tổ chức, ngôn ngữ đích luôn được ưu tiên sử dụng. Có phải vì có yếu tố nước ngoài hay vì những lợi ích mà ngôn ngữ này mang lại trong quá trình lĩnh hội, rèn luyện và tương tác?

Tại Khoa Tiếng Pháp – Tiếng Nga, từ nhiều năm nay, nhóm nghiên cứu nhận thấy sinh viên tiếng Pháp, đặc biệt là nhóm sinh viên có đầu vào tiếng Anh gặp không ít khó khăn trong tiếp thu và diễn đạt bằng ngôn ngữ đích trong các giờ học các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Câu hỏi nghiên cứu của chúng tôi là: Vì sao sinh viên lại gặp khó khăn khi nghe, nói bằng ngôn ngữ đích? Khi gặp khó khăn, sinh viên có những biểu hiện/phản ứng gì? Nhận thức của sinh viên như thế nào về việc ưu tiên sử dụng ngôn ngữ đích trong dạy/học ngoại ngữ và nhất là trong các học phần Thực hành tiếng?

2. Cơ sở lý luận

Trong phần này, chúng tôi sẽ giới thiệu sơ lược vị trí của ngôn ngữ đích qua các phương pháp dạy học, lợi thế của ngôn ngữ này và một số nghiên cứu liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ đích trong dạy học ngoại ngữ.

2.1. Sơ lược vị trí của ngôn ngữ đích qua các phương pháp giảng dạy

Trong suốt lịch sử phát triển, giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ (FLE) đã chịu tác động của các phương pháp dạy học (truyền thống, trực tiếp, nghe-nói, nghe-nhìn, v.v...) cũng như nội dung và mục đích dạy học. Lựa chọn một phương pháp nào đều có tính quyết định đến sự lựa chọn ngôn ngữ sử dụng để giảng dạy.

Trước cuối thế kỷ XIX, *phương pháp truyền thống* (méthodologie traditionnelle) hay còn gọi là *ngữ pháp-dịch* (grammaire-traduction) được triển khai trong các lớp học tiếng Pháp ngoại ngữ. Mục đích của phương pháp này chủ yếu nhằm rèn luyện cho người học về ngôn ngữ viết (dưới dạng bài tập ngữ pháp, đọc và dịch các trích đoạn văn hay v.v...) và dành một vị trí rất khiêm tốn cho phát triển kỹ năng nghe, nói và giao tiếp. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng mẹ đẻ của người học bởi vì thực hành giao tiếp bằng ngôn ngữ đích không nằm trong những mục đích sư phạm và ngôn ngữ của phương pháp này và cũng không nhằm mục đích giao tiếp.

Từ những năm 1880, *phương pháp trực tiếp* (méthodologie directe) dần được đưa vào giảng dạy tiếng Pháp ngoại ngữ. Trái với phương pháp truyền thống, phương pháp trực tiếp chú trọng đến nghe và nói. Hay nói một cách khác, giao tiếp là mục đích chính của phương pháp này. Vì vậy, ngôn ngữ giảng dạy là hoàn toàn bằng ngôn ngữ đích. Người dạy tiếng Pháp ngoại ngữ chỉ được sử dụng ngôn ngữ đích để tạo điều kiện cho việc tắm ngôn ngữ (bain linguistique) hoàn toàn cho người học.

Vào giữa thế kỷ 20, lần lượt các phương pháp mới ra đời: *phương pháp tích cực* (méthodologie active), *phương pháp nghe-nói* (méthodologie audio-orale), *phương pháp cấu trúc tổng thể nghe-nhìn* (méthodologie SGAV) và *đường hướng giao tiếp* (approche communicative) hay *đường hướng hành động* (approche actionnelle), v.v... Mỗi phương pháp đều có cách tiếp cận riêng nhưng các phương pháp này đều nhấn mạnh đến sự cần thiết phải dành một phần lớn cho việc học giao tiếp nói. Vì vậy, ngôn ngữ đích vẫn tiếp tục được sử dụng làm ngôn ngữ ưu tiên trong dạy và học, nhưng “giáo viên có thể dùng tiếng mẹ đẻ [...] miễn là đạt được mục tiêu của bài học” (Trần Đình Bình, 2012, tr.51).

2.2. Tổng quan một số nghiên cứu về sử dụng ngôn ngữ đích trong dạy/học ngoại ngữ

Theo sách *Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngoại ngữ* (CECRL) của Ban ngôn ngữ thuộc Hội đồng Châu Âu (2001), các nhà nghiên cứu ngôn ngữ khuyến nghị người học tiếp xúc thường xuyên với ngôn ngữ đích bằng cách khuyến khích họ “*tham gia vào các lớp học, ở đó người ta sử dụng ngôn ngữ 2 (ngôn ngữ đích) làm ngôn ngữ dạy học* » (Conseil de l’Europe, 2005, tr. 111), và tương tác bằng lời với người bản ngữ hoặc người « *có năng lực* » (ở đây là người dạy tiếng Pháp). Về phía người dạy, CECRL cũng khuyến khích thực hiện các hoạt động dạy học, trình bày, giải thích, v.v... bằng ngôn ngữ đích. Tuy nhiên, CECRL cũng không ngăn cấm việc sử dụng tiếng mẹ đẻ để tiến hành và thực hiện các hoạt động tương tự. Đó là giải pháp thay thế để khắc phục những trở ngại trong giảng dạy. Do đó, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của người học được chấp nhận, và thậm chí được khuyến khích trong một số tình huống nhất định, nhằm tạo ra một môi trường học tập phù hợp và tối ưu cho họ. Ngoài ra, việc sử dụng ngôn ngữ nguồn cũng được xem là « *xu hướng ưa thích hơn* », người học diễn dịch mọi kiến thức mới sang tiếng mẹ đẻ một cách tự nhiên cho dù người dạy khuyến khích hay không (Atkinson, 1987, tr. 422). Danchev (1982) cũng vậy, theo nhà nghiên cứu này, phương pháp dạy học nên thuận theo xu hướng tự nhiên này thay vì chống lại nó, tuy nhiên phải hiểu theo hướng không nhằm khuyến khích việc tăng cường

dùng tiếng mẹ đẻ mà chỉ là một sự cân bằng để giải quyết những hạn chế của phương pháp giảng dạy trong một số tình huống nhất định.

Quan niệm mới về mối quan hệ giữa các ngôn ngữ dẫn đến việc xem chủ nghĩa đa ngôn ngữ là “*bàn đạp học tập*” và do đó khẳng định lợi ích của các kỹ năng đã có trước cho bất kỳ việc học ngôn ngữ mới nào (Castellotti & Moore, 2002; Cavalli, 2005; Gajo, 2006; Bozhinova, 2014). Tuy nhiên, CECRL cũng nhấn mạnh việc người dạy cần thiết chuyển dần ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích bằng cách giảm dần việc sử dụng tiếng mẹ đẻ.

2.3. Một số lợi thế của việc sử dụng ngôn ngữ đích trong lớp học ngoại ngữ

Vị trí của ngôn ngữ đích qua các phương pháp dạy học (xem mục 2.1) cho thấy ngôn ngữ đích dần chiếm vị trí ưu tiên trong quá trình dạy học. Khi mục tiêu của việc học ngoại ngữ là ngôn ngữ và giao tiếp, thì người học càng tìm cách tham gia càng nhiều càng tốt với tư cách là người làm chủ quá trình học của họ. Nghe, nói và tương tác trong lớp học là các thành tố thiết yếu của một lớp học ngoại ngữ hiện đại và những hành vi lời nói tạo nên một trong những yếu tố kích hoạt tương tác. Những hành vi này rõ ràng chỉ có thể được thực hiện bằng ngôn ngữ đích. Làm sao người học có thể hiểu các hành vi này nếu chúng không được người dạy thiết lập tự động bằng ngôn ngữ đích?

Thevenin (2015) cho rằng luyện tai nghe cho người học là một trong những ưu điểm của việc sử dụng ngôn ngữ đích. Chỉ bằng cách nghe một ngôn ngữ mà người ta có thể học âm thanh của nó, khám phá sự đa dạng của nhịp điệu, trọng âm và ngữ điệu của nó, đồng thời học cách phân biệt từng từ một và cách diễn đạt. Nói tóm lại, người học có thể tái tạo lại nghĩa để hiểu một câu phát ngôn bằng ngôn ngữ đích. Và thường thì chính việc luyện tập sẽ cho phép người học tự hoàn thiện mình: càng luyện nghe nhiều một ngoại ngữ, thì việc hiểu nó càng dễ dàng hơn. Rõ ràng là việc giảng dạy ngoại ngữ bằng ngôn ngữ đích mang lại cho người học một lợi thế trong nghe hiểu.

Nói đến việc học ngôn ngữ tức nói đến hiệu ứng bất chước, sao chép mô hình thường diễn ra. Đúng vậy, người học sẽ mô phỏng phát âm, cách diễn đạt của người dạy. Nếu người dạy sử dụng ngôn ngữ đích để dạy, điều này cho phép cố định ở người học một số cơ chế, phản xạ và “*khuôn mẫu*” về ngữ âm, nhịp điệu và giao tiếp đặc trưng của ngôn ngữ đích mà người học sẽ có thể xác định và tái tạo tốt hơn trong một tình huống cụ thể. Như vậy, giảng dạy tiếng Pháp ngoại ngữ bằng ngôn ngữ đích ngay từ những trình độ đầu tiên thường được thừa nhận vì đó là một trong những cách tiếp cận tốt nhất để đạt được những mục tiêu sư phạm và ngôn ngữ trong những điều kiện tối ưu (Thevenin, 2015). Hanna (2017) cũng chia sẻ quan điểm này, nhấn mạnh rằng việc nghe ngôn ngữ đích trong các giờ học ngôn ngữ sẽ khiến kỹ năng nghe hiểu dễ dàng hơn. Học sinh học ngoại ngữ sẽ bất chước giáo viên sử dụng ngôn ngữ đích. Vì vậy, sử dụng ngôn ngữ đích càng nhiều càng tốt. Người học có thể không hiểu mọi thứ lúc đầu, nhưng về sau kết quả học tập của họ sẽ được cải thiện dần nếu ngôn ngữ đích được sử dụng như trường hợp “*nhúng ngôn ngữ*” (immersion linguistique) (Laurén, 1994, 1999). Cũng theo tác giả này, tần suất sử dụng ngôn ngữ đích cao sẽ cải thiện được việc học thụ động.

Tuy nhiên, việc sử dụng ngôn ngữ đích còn tùy thuộc vào năng lực của người dạy. Nếu năng lực ngoại ngữ không tốt sẽ trở thành một bất lợi trong giảng dạy (Nguyễn Thị Hồng Minh, Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Ngọc Lan, 2019).

Cuối cùng, thái độ tích cực của người học đối với ngôn ngữ đích cũng rất quan trọng, phần lớn nó đem lại những kết quả học tập tốt: *“người học tốt sẽ là người có thái độ cởi mở và khoan dung đối với ngôn ngữ đích và là người có khả năng thực hành ngoại ngữ bằng cách nhận ra rằng việc đắc thủ ngôn ngữ thứ hai không thể thực hiện một cách tự phát mà không cần nỗ lực”* (Sterne, 1975 do Giroux trích dẫn). Và nếu nỗ lực của người học được ghi nhận, điều này có thể tác động đến động lực của họ theo cách rất có lợi và bổ ích cho họ (Rubin, 1975 do Giroux trích dẫn).

Như vậy, việc sử dụng ngôn ngữ đích trong lớp học ngoại ngữ sẽ dần nâng cao hiệu quả nếu thực hiện thường xuyên và ngay từ những trình độ thấp nhất.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu nhận thức và thực tế sử dụng ngôn ngữ đích trong dạy/học Thực hành tiếng Pháp, chúng tôi thực hiện các nội dung sau:

3.1. Khách thể nghiên cứu

- 43 sinh viên (SV) năm 2 thuộc 3 nhóm lớp (nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3) đã tham gia học Thực hành tiếng 4 năm học 2019-2020 của Khoa Tiếng Pháp – Tiếng Nga;
- 6 giảng viên (GV) đang tham gia giảng dạy Thực hành tiếng Pháp của Khoa Tiếng Pháp – Tiếng Nga.

3.2. Phương pháp sử dụng

Chúng tôi sử dụng phương pháp định lượng và định tính nhằm tìm hiểu nhận thức và thực tế sử dụng ngôn ngữ đích trong tiếp thu và diễn đạt của sinh viên trong dạy/học ngoại ngữ nói chung và các học phần Thực hành tiếng 4 nói riêng. Ngoài ra, còn có một số phương pháp hỗ trợ nghiên cứu như thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

- Điều tra trực tuyến bằng bảng hỏi gồm 10 câu hỏi (dạng trắc nghiệm có 1 hoặc nhiều lựa chọn, một số câu có tiêu chí đánh giá theo tần suất giảm dần từ 1 đến 5 và 1 câu hỏi mở): [1] luôn luôn; [2] khá thường xuyên; [3] thỉnh thoảng; [4] hiếm khi và [5] không bao giờ.

- Bản phỏng vấn gồm 6 câu hỏi mở.

Nội dung điều tra gồm 3 phần chính:

1-Thông tin khách thể nghiên cứu

2-Nhận thức về việc ưu tiên sử dụng ngôn ngữ đích (tiếng Pháp) trong dạy/học ngoại ngữ

3-Thực tế sử dụng tiếng Pháp trong dạy/học Thực hành tiếng 4: tỉ lệ phần trăm, tần suất sử dụng tiếng Pháp của giảng viên và sinh viên trong các hoạt động dạy/học, nguyên nhân khó khăn của sinh viên khi tiếp thu và diễn đạt và cuối cùng là các kiến nghị nhằm tăng cường sử dụng tiếng Pháp trong các học phần Thực hành tiếng.

4. Kết quả nghiên cứu

Sau khi tổng hợp, so sánh và phân tích thông tin điều tra, chúng tôi rút ra những kết luận như sau:

4.1. Nhận thức của người học về ưu tiên sử dụng ngôn ngữ đích trong dạy/học ngoại ngữ

Giảng viên (100%) và sinh viên (88,4%) đều đồng thuận cao về tính cần thiết và quan trọng của ngôn ngữ đích trong dạy/học ngoại ngữ, đặc biệt là dạy/học các kỹ năng Thực hành tiếng (trong đó sinh viên nhóm 1 chiếm 88,9%, nhóm 2 chiếm 86,9% và nhóm 3 chiếm 81,8%). Chỉ có 11,6% không bày tỏ ý kiến về vấn đề này (xem bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ sinh viên đồng thuận việc sử dụng ngôn ngữ đích trong dạy/học Thực hành tiếng

	Nhóm 1 (N1)		Nhóm 2 (N2)		Nhóm 3 (N3)		Tổng (N1+N2+N3)	
	Số SV	Tỷ lệ %	Số SV	Tỷ lệ %	Số SV	Tỷ lệ %	Tổng	Tỷ lệ %
Đồng ý	08	88,9	20	86,9	9	81,8	38	88,4
Không đồng ý	00	00	00	00	00	00	00	00,0
Không có ý kiến	01	11,1	3	13,1	2	18,2	05	11,6
Tổng	09		23		11		43	100

Theo sinh viên, ưu tiên sử dụng ngôn ngữ đích như ngôn ngữ dạy học đem lại nhiều lợi ích: tạo điều kiện cho người học thực hành tiếng Pháp, đặc biệt phát triển khả năng Nghe và Nói (chiếm 93%), để người học quen dần với ngôn ngữ đích ở góc độ ngữ âm (nhận diện âm, ngữ điệu, trọng âm, phát âm,...) (chiếm 90,6%), tạo một môi trường Pháp ngữ gần với thực tế để người học tiếp thu, phản xạ và rèn luyện thuận lợi hơn (chiếm 79,1%), là điều kiện để người học dễ ghi nhớ tiếng Pháp (39,5%) và đạt được yêu cầu ra của học phần (34,9%). Chỉ có 16,3% số sinh viên khẳng định việc sử dụng ngôn ngữ đích sẽ kích thích trí tò mò của người học và đề « *Phát triển khả năng tư duy, tự phân tích, tự hiểu và nắm được nội dung chính khi giảng viên giảng bài bằng ngôn ngữ đích* » (SV19,32)

Chúng tôi cũng nhận được những ý kiến tương tự từ phía giảng viên. Họ nhấn mạnh thêm: “*khi lặp đi lặp lại một cách vô thức sẽ tạo phản xạ có điều kiện, tạo thói quen suy nghĩ bằng ngôn ngữ đích, tạo ra phản ứng ngay, nhanh. Lúc đầu có thể chậm nhưng dần dần sinh viên sẽ quen và kết quả là tiếp xúc với người bản xứ thuận lợi hơn*” (GV1,2,3). Như vậy, quá trình nghe giảng và lặp đi lặp lại bằng ngôn ngữ đích sẽ giúp người học lĩnh hội kiến thức một cách hiệu quả, tạo thói quen và phản xạ nhanh dần và cho phép việc dạy/học ngoại ngữ đạt mục đích đã đề ra trong chương trình đào tạo (GV4). Giảng viên cũng cho rằng ưu tiên sử dụng ngôn ngữ đích sẽ giúp sinh viên hạn chế tiếp xúc với tiếng mẹ đẻ bởi vì “*Sử dụng tiếng mẹ đẻ thì sẽ tạo thói quen suy nghĩ bằng tiếng mẹ đẻ, điều này không có lợi và thường gây ra lỗi nói, viết*” (GV1,2,4). Tuy nhiên, giảng viên cũng không phủ nhận lợi ích làm « *yên lòng sinh viên* » mà tiếng mẹ đẻ đem lại và tránh được việc sinh viên hiểu sai kiến thức (GV1,2).

4.2. Thực tế sử dụng ngôn ngữ đích: thuận lợi và khó khăn

Mặc dù nghiên cứu nhận được những phản hồi rất tích cực của sinh viên về tầm quan trọng của việc ưu tiên sử dụng ngôn ngữ đích trong dạy/học ngoại ngữ, nhưng trên thực tế sinh viên có tần suất sử dụng tiếng Pháp rất hạn chế và diễn đạt gặp nhiều khó khăn. Chúng tôi sẽ trình bày một số thuận lợi và khó khăn khi sử dụng tiếng Pháp trong các học phần Thực hành tiếng 4.

4.2.1. Thuận lợi

Thứ nhất, đội ngũ giảng viên tiếng Pháp có năng lực, có thâm niên giảng dạy từ 6 năm đến 25 năm và 100% giảng viên được đào tạo ở nước ngoài. Đây là một lợi thế để giảng viên sử dụng ngôn ngữ đích.

Thứ hai, vào đầu học kỳ 4, sinh viên đã học được một số kiến thức ngôn ngữ Pháp (tương đương với cấp độ A2.1). Với trình độ này, sinh viên có thể hiểu và diễn đạt bằng ngôn ngữ đích: « *Em cảm thấy nếu đã học ở Thực hành tiếng 4 thì sinh viên có thể đàm thoại hoàn toàn bằng tiếng Pháp.* » (SV1). Có lẽ vì lý do này mà khi được hỏi về tần suất và tỉ lệ sử dụng tiếng Pháp của giảng viên (dao động từ 40% đến 60% tùy theo kỹ năng và trình độ của sinh viên), 67% số sinh viên được hỏi đánh giá là phù hợp với họ mặc dù họ có nhiều khó khăn khi tiếp thu và diễn đạt (xem bảng 2).

Bảng 2. Tần suất sinh viên gặp khó khăn khi nghe giảng viên sử dụng tiếng Pháp

	Luôn luôn	Khá thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Nhóm 1	00	03= 33,3%	05 = 55,6%	01 = 11,1%	00
Nhóm 2	03 = 13%	11= 47,8%	08 = 34,8%	01 = 4,3%	00
Nhóm 3	02 = 18,2%	06 = 54,5%	03 = 27,3%	00	00
Tổng	05 = 11,6%	20 = 46,5%	16 = 37,2%	02 = 4,7%	00

4.2.2. Khó khăn

Khó khăn đầu tiên đó là có đến 79% số sinh viên được hỏi có đầu vào là D1 (tiếng Anh). Vốn kiến thức có trước này đã gây ra một số chuyển di tiêu cực (GV1,2,3,4,5).

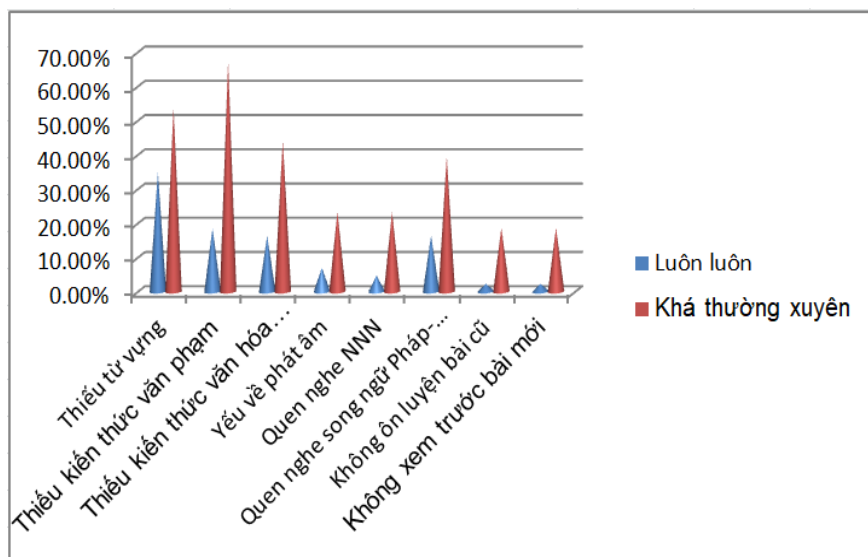
Khó khăn thứ hai liên quan đến sự khác biệt trong phản ứng của các giảng viên dạy trong cùng một nhóm lớp khi sinh viên không hiểu tiếng Pháp (GV1,2,3). Nghiên cứu cho thấy có 2 cách phản ứng khác nhau: 67% số giảng viên được hỏi khẳng định rất kiên trì trình bày lại nhiều lần bằng tiếng Pháp với câu, từ đơn giản hơn và kết hợp với kênh viết, hình ảnh, phi ngôn ngữ trước khi phải can thiệp bằng tiếng Việt nếu điều đó là cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc sử dụng ngoại ngữ 2 (tiếng Anh) nếu có tương đồng với tiếng Pháp hơn tiếng mẹ đẻ, trong khi đó chỉ có 33% số giảng viên được hỏi thú nhận khi sinh viên không hiểu thì “*chuyển ngay sang tiếng mẹ đẻ để đỡ mất thời gian*” (GV4,6). Bên cạnh yếu tố thời gian là sự ràng buộc về nội dung chương trình dạy học phải hoàn thành (GV4).

Khó khăn thứ ba, đó là phản ứng của sinh viên. Khi không hiểu tiếng Pháp, sinh viên thường phản ứng bằng phi ngôn ngữ (im lặng, cúi mặt xuống, dùng ánh mắt, nhăn mặt, đờ người v.v...) và bằng ngôn ngữ (tiếng Pháp, tiếng Việt) (xem Bảng 3).

Bảng 3: Tần suất phản ứng của sinh viên khi không hiểu tiếng Pháp

	Tổng %	Nhóm 1+2+3									
Tần suất giảm dần từ 1 đến 5	1+2	1	%	2	%	3	%	4	%	5	%
☐ Yêu cầu GV lặp lại, giải thích lại bằng tiếng Pháp	18,6%	3	7	5	11,6	7	16,3	16	37,2	1	2,3
☐ Yêu cầu GV lặp lại, giải thích lại bằng tiếng Việt	34,9%	0	00	15	34,9	22	51,2	5	11,6	0	00
☐ Giữ im lặng	41,9%	2	4,7	16	37,2	11	25,6	9	20,9	5	11,6
☐ Biểu lộ trên khuôn mặt	41,9%	7	16,3	11	25,6	12	27,9	7	16,3	5	11,6
☐ Tránh cái nhìn của GV	23,3%	4	9,3	6	14	9	20,9	12	27,9	12	27,9
☐ Dùng translate dịch ra t.Việt	34,9%	4	9,3	11	25,6	18	41,9	6	14	6	14
☐ Tra từ điển Pháp-Việt trực tuyến	62,8%	8	18,6	19	44,2	13	30,2	3	7	1	2,3
☐ Hỏi bạn ngồi cạnh bằng t.Việt	60,4%	9	20,9	17	39,5	10	23,3	3	7	3	7

Những phản ứng như là tránh cái nhìn của giảng viên, sử dụng translate hay tra từ điển, hỏi bạn ngồi bên cạnh được giảng viên đánh giá là không tích cực (GV1,2,3,4).



Biểu đồ 1: Nguyên nhân và tần suất sinh viên gặp khó khăn

Theo giảng viên, nguyên nhân sinh viên gặp khó khăn khi nghe hiểu và diễn đạt bằng tiếng Pháp đến từ hai phía: người học và người dạy. Về phía người dạy, nguyên nhân chính làm cho việc tiếp thu và diễn đạt bằng tiếng Pháp không hiệu quả đó là: tính phức tạp, chưa rõ ràng (GV1,2,3,5,6), sử dụng tiếng Việt khi chưa cần thiết (GV1,2). Về phía người học, bên cạnh những yếu kém về ngôn ngữ, văn hóa, thói quen nghe và dùng tiếng Việt hay song ngữ Pháp-Việt (xem biểu đồ 1 ở trên), thì động cơ học tập, tinh thần trách nhiệm với việc học của họ chưa tốt, họ chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc sử dụng ngôn ngữ đích: *“Giảng viên tâm huyết một phần, quyết định tùy vào sinh viên nữa. Cái quan trọng là động cơ học tập của người học”*, *“Sinh viên chưa thấy được ích lợi của việc sử dụng ngôn ngữ đích, cứ nghĩ là giảng viên làm khó, làm vất vả mấy em”* (GV1),...Cuối cùng là thời gian luyện tập ở lớp và ở nhà chưa đủ: *“Giảng viên nói nhiều, sinh viên không có cơ hội nói nhiều, sinh viên nghe nhiều hơn nói”* (GV6). *“Thời gian thực hành, tự học ít”*, *“Khi học rồi, nhưng sinh viên không có biểu hiện có sự luyện tập ở nhà”* (GV1,4). Điều này lý giải phần nào về khó khăn tiếp thu và diễn đạt của sinh viên.

5. Thảo luận và kiến nghị

Nghiên cứu cho thấy sinh viên có nhận thức tốt về việc sử dụng tiếng Pháp trong dạy/học ngoại ngữ, đặc biệt là trong các học phần Thực hành tiếng, nhưng chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của tiếng Pháp trong lĩnh hội, rèn luyện kiến thức mới. Hệ quả là: sinh viên chưa cố gắng trong việc tiếp cận tiếng Pháp bằng ngôn ngữ đích và có những phản ứng chưa tích cực. Thêm vào đó, giảng dạy bằng song ngữ Pháp – Việt của thầy đã hình thành thói quen xấu ở trò: chờ đợi và phản ứng bằng tiếng Việt (GV1,2). Một nguyên nhân khác nữa đó là phần lớn sinh viên có đầu vào là tiếng Anh nên việc tiếp thu một ngoại ngữ thứ 2 (tiếng Pháp) sẽ gặp phải những hiện tượng như giao thoa ngôn ngữ, chuyển di tiêu cực, v.v... ở góc độ ngữ âm, từ vựng, cú pháp, v.v... Từ những nguyên nhân này, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau nhằm đẩy mạnh việc sử dụng ngôn ngữ đích hiệu quả hơn trong dạy/học Thực hành tiếng.

5.1. Đề xuất đối với Trường và Khoa Tiếng Pháp –Tiếng Nga

- Tăng cường hợp tác với các Khoa, Trường có sử dụng tiếng Pháp để sinh viên có thêm môi trường, động lực sử dụng tiếng Pháp dưới nhiều hình thức: thi viết chính tả (để rèn luyện nghe/viết), tổ chức câu lạc bộ Tiếng Pháp, các hoạt động ngoại khóa, đọc thơ tiếng Pháp, v.v...
- Cần duy trì việc phụ đạo “luyện phát âm” cho sinh viên năm thứ nhất (SV1). Mời giảng viên bản địa đến dạy và tham gia vào việc luyện âm cho sinh viên.
- Tập huấn giáo viên: nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng tiếng Pháp trong dạy/học ngoại ngữ và từ đó có sự thống nhất về việc sử dụng ngôn ngữ đích từ năm thứ nhất để tạo thói quen tốt cho sinh viên.

5.2. Đề xuất đối với giảng viên tiếng Pháp

- Cần sử dụng tiếng Pháp một cách hợp lý, hiệu quả và luôn tạo điều kiện nhiều nhất có thể cho sinh viên rèn luyện Nghe, Nói tại lớp bằng ngôn ngữ đích. Để đạt điều đó, giảng viên cần chuẩn bị bài giảng, lời giảng thật kỹ, sử dụng ngôn từ đơn giản, chính xác phù hợp với từng trình độ nhóm lớp và cần đa dạng các hoạt động dạy/học, cung cấp cho sinh viên những công cụ ngôn ngữ cần thiết để diễn đạt dựa theo nhu cầu thực tế của họ và khuyến khích họ diễn đạt (GV5). Bằng cách này, một mặt giảng viên có thể hạn chế được nguyên nhân “thiếu thời gian”, mặt khác có thể tạo hứng thú học tập cho sinh viên. Ở đây chúng tôi đồng quan điểm với tác giả Nguyễn Thị Như Quỳnh (2011): Nếu chuẩn bị tốt bài giảng, giảng viên có thể giải quyết các khó khăn bằng ngôn ngữ đích mà không cần sự hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ.
- Ngay từ năm đầu tiên của bậc đại học, giảng viên cần cho sinh viên quen dần với việc nghe, nói bằng tiếng Pháp để hình thành nề nếp, thói quen tốt và cho sinh viên hiểu được những lợi ích mà ngôn ngữ đích mang lại trong dạy/học ngoại ngữ.

5.3. Đề xuất đối với sinh viên

- Cần chủ động hơn trong việc học, có ý thức và trách nhiệm về việc học của mình để tăng hiệu quả nghe hiểu và diễn đạt tiếng Pháp tại lớp: Rèn luyện thêm giao tiếp bằng tiếng Pháp với “*đôi bạn học tập*” (GV4), tham gia vào các hoạt động ở trường, tăng cường luyện tập ở nhà theo đúng quy định hướng dẫn của loại hình đào tạo tín chỉ: học 1 tiết tại lớp thì phải tự học 3 tiết ở nhà.
- Cần có nhận thức đúng về vai trò của ngôn ngữ đích trong dạy/học ngoại ngữ và đặc biệt là trong dạy/học các học phần Thực hành tiếng. Tham gia các hoạt động học tại lớp với tinh thần: Không ngại khó, mạnh dạn phát biểu, không sợ sai.

6. Kết luận

Không có phương pháp dạy học nào là hoàn hảo. Điều quan trọng là người dạy phải biết kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học sao cho phù hợp với lớp học của mình. Tuy nhiên, trong phạm vi một Khoa, nên có một chính sách chung cho các giảng viên dạy Thực hành tiếng: ưu tiên sử dụng tiếng Pháp trong dạy/học. Phải thừa nhận rằng việc lựa chọn ngôn ngữ đích để giao tiếp trong lớp học tùy thuộc nhiều từ người dạy cũng như người học. Tuy nhiên, người dạy luôn đóng vai trò quyết định và có ảnh hưởng lớn đối với sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm đầu của bậc đại

học. Ảnh hưởng này càng lớn và hiệu quả hơn khi cả người dạy và người học nhận thức đúng vai trò của ngôn ngữ đích trong dạy/học ngoại ngữ.

Tài liệu tham khảo

- Bozhinova, K. (2014). Enseignement/apprentissage du français langue étrangère et développement de la compétence plurilingue. *Pedagogy*, 86, (5), 690-696.
- Castellotti, V. (2001). *La langue maternelle en classe de langue étrangère*. Paris : CLE International.
- Castellotti, V., & Moore, D. (2002). *Représentations sociales des langues et enseignements*. Strasbourg : Conseil de l'Europe.
- Cavalli, M. (2005). *Éducation bilingue et plurilinguisme. Le cas du Val d'Aoste*. Paris : Didier.
- Gajo, L. (2006). « L'intercompréhension entre didactique intégrée et enseignement bilingue ». A paraître dans les *Actes du colloque « L'intercompréhension entre langues voisines »*, organisé par la DLF (CIIP, Suisse) les 6-7 novembre 2006, Genève.
- Giroux, L. (2016). La place et le(s) rôle(s) de la langue maternelle des apprenants en cours de langue étrangère, *Synergie France N°10*, 55-68.
- Hanna, A.(2017). *L'utilisation de la langue cible et les méthodes de l'immersion linguistique dans les cours de FLE en Finlande*, Mémoire de maîtrise, Université de Tampere.
- Nguyễn Thị Hồng Minh, Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Ngọc Lan, (2019). *Nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ đích trong lớp học của giáo viên tiếng Anh cấp Tiểu học ở thành phố Sông Công*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, tr. 93-100.
- Nguyễn Thị Như Quỳnh, (2011). *Tiếng Việt - Hỗ trợ hay trở ngại cho việc học tiếng Anh*, Tạp chí Tiếng Anh: <https://ioe.vn/chi-tiet/tap-chi-tieng-anh/tieng-viet-ho-tro-hay-tro-ngai-cho-viec-hoc-tieng-anh-5-1494>
- Thevenin, M. (2015). *Quelle(s) langue(s) médiatrice(s) en cours de FLE ?* Formation du FLE. (Truy cập vào ngày 10 tháng 9 năm 2020) file:///D:/2020%202021/HTLN%206%20bai%20bao/bai%20bao%20gui%20HTlan6/THEVENIN_Marie.pdf
- Trần Đình Bình (2012). Ngôn ngữ học với việc dạy học tiếng Pháp, *Ngôn ngữ*. 10: <https://tailieu.vn/doc/ngon-ngu-hoc-voi-viec-day-hoc-tieng-phap-2033410.html>
- Rea Lujic (2018). *Quelle(s) langue(s) médiatrice(s) choisir en classe de langue étrangère ?*, *Recherches en didactique des langues et des cultures* [En ligne], 15-3 | 2018, mis en ligne le 01 septembre 2018, consulté le 07 octobre 2020. URL : <http://journals.openedition.org/rdlc/3764> ; DOI : <https://doi.org/10.4000/rdlc.3764>

STUDENTS' AWARENESS AND ACTUAL USE OF TARGET LANGUAGE IN TEACHING/LEARNING FRENCH PRACTICE 4

Abstract: Teaching reality shows that French majored students, especially D1 students (with English input), have many difficulties in acquiring and interacting in the target language in Language Practice modules. To find out the causes, our research team has conducted a survey on learners' awareness and actual use of French in teaching/ learning foreign language in general and in Language Practice 4 in particular. The results of the online questionnaire survey of 43 second year students of the academic year 2019-2020 and in-depth interviews with 6 lecturers teaching Language Practice show that most of them are aware of the positive impact of using the target language on the process of thinking, comprehending, practicing and verbal interaction. But in fact, frequency of using the target language is very limited and has many shortcomings. The study also proposes some recommendations to increase the use of the target language more rationally and effectively.

Key words: awareness - target language – verbal interaction – D1 students